

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 2
(đã hoàn chỉnh theo góp ý của đại biểu)

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét Tờ trình số 1876/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công cách mạng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang hưởng các mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công hàng tháng thấp hơn ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực theo quy định của Chính phủ.

2. Người cao tuổi quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh, thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động, gồm:

a) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

b) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo nhưng không thuộc diện quy định ở điểm a khoản 2 Điều này.

c) Người từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc diện hộ nghèo nhưng không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

d) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng.

3. Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động.

4. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động.

5. Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động cư trú tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động, không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ số tiền chênh lệch giữa các mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công cách mạng đang hưởng hằng tháng so với ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực.

Ngưỡng trên của mức sống trung bình từng khu vực để tính số tiền hỗ trợ chênh lệch mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công cách mạng như sau: Thành thị: 3.000.000 đồng/người/tháng; nông thôn: 2.250.000 đồng/người/tháng.

2. Đối tượng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 2 Nghị quyết này được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 0,5 lần so với mức trợ cấp xã hội hằng tháng của đối tượng đang hưởng theo mức chuẩn trợ giúp xã hội tại cộng đồng (360.000 đồng/tháng) quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Khi ngưỡng trên mức sống trung bình từng khu vực, mức chuẩn trợ giúp xã hội hằng tháng được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thì mức hỗ trợ cải thiện mức sống của các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này được điều chỉnh theo mức tương ứng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Khoảng 27 tỷ đồng/năm, do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, kịp thời đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung chính sách đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 5 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;

CHỦ TỊCH

- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

Phan Việt Cường